TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 01 năm 2026
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển

2. Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn D, xã V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn D, xã V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông và bà Phạm Thị C có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1997; đến ngày 30/9/2002, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Việc kết hôn là tự nguyện, hợp pháp, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, bà C về làm dâu và chung sống cùng gia đình ông tại Thôn D, xã V, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ

khoảng năm 2017, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt gia đình. Trong các năm 2017 và 2020, ông đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn với mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, ổn định gia đình vì các con chung. Mặc dù đã đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; đời sống chung không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, căng thẳng. Từ khoảng năm 2020, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà C thường xuyên đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà hoặc gọi điện hỏi thăm các con. Hiện nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông bà có ba con chung là Nguyễn Văn Long, sinh ngày 07/01/1998; Nguyễn Văn Nhật, sinh ngày 25/9/1999; Nguyễn Văn Vũ, sinh ngày 25/9/1999. Do các con chung đều đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Ông B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị C vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại *Biên bản xác minh ngày 13/11/2025 tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Phú Thọ thể hiện:*

Ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị C đăng ký kết hôn ngày 30/9/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Tường cũ (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) thuộc diện đăng ký kết hôn theo Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ quy định chị tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, trước đó ông bà đã tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1997 tại Thôn D, xã V, tỉnh Phú Thọ. Khoảng năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể chính quyền địa phương không nắm bắt được sau đó ông B có làm đơn xin ly hôn bà C được sự động viên của 2 bên gia đình và chính quyền địa phương nên ông bà về đoàn tụ, ông B làm đơn xin rút đơn khởi kiện tuy nhiên được vài năm sau thì lại mâu thuẫn. Bà C thường xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà thăm con. Nay ông B xin ly hôn bà C quan địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên địa phương nhận thấy mâu thuẫn của ông bà đã lâu và căng thẳng nhiều năm khó cải thiện được.

Về con chung: Vợ chồng ông B bà C có ba con chung là: Nguyễn Văn Long, sinh năm 07/01/1998; Nguyễn Văn Nhật, sinh ngày 25/9/1999; Nguyễn Văn Vũ, sinh ngày 25/9/1999. Hiện nay cả 3 con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi, ông bà ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ của vợ chồng, địa phương không nắm rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Phạm Thị C.

- Về con chung: Do cả ba con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Phạm Thị C. Bị đơn bà C cư trú tại Thôn D, xã V, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 năm 2025).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà Phạm Thị C, nhưng bà C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị C xác lập quan

hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1997; đến ngày 30/9/2002, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Việc kết hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng ép, phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông B và bà C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2017 và năm 2020, ông B đã làm đơn xin ly hôn bà C nhưng sau đó rút đơn với mong muốn đoàn tụ, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, sau khi đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Đến cuối năm 2020, ông B và bà C đã sống ly thân. Mặc dù có thời gian sống xa nhau nhưng các bên không có biện pháp hòa giải, khắc phục mâu thuẫn để khôi phục đời sống chung. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B, cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Phạm Thị C là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Do cả ba con chung là Nguyễn Văn Long, sinh năm 07/01/1998; Nguyễn Văn Nhật, sinh ngày 25/9/1999; Nguyễn Văn Vũ, sinh ngày 25/9/1999 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Phạm Thị C.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002554 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Phượng

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã V, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Phượng